

## **Giáo Dục Thời Việt Nam Độc Lập (9/3/1945) và Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975)**

GS Phạm Đức Liên

Kính dâng quý vị tiền bối (Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Khắc Kham ...)

*"Đã không cầm bút thì thôi,  
Học cho dài các, Tây thời khiếp luôn"*

### **Dẫn nhập:**

1. Giáo dục "Việt Nam thời Độc Lập" là chương trình trung học Hoàng xuân Hãn mà chánh phủ Trần Trọng Kim long trọng trình quốc dân vào trung tuần tháng 4, năm 1945. Giáo dục đó là "Legacy of Excellence" mà thế hệ 1939-1965 (trong đó có người viết bài) hân hạnh được đào tạo. Chương trình "Educating the Whole Person" đó nhằm huấn luyện một căn bản vững chắc, "a strong foundation", cho người học trò, dù chỉ là tốt nghiệp Tú Tài Toàn Phần nhưng cũng sẵn sàng trở thành những nhà lãnh đạo đất nước (từ Giám Đốc trở lên) được đồng lòng tiếp nối - qua những chánh phủ quốc gia - nhất là dưới thời Bộ Trưởng Giáo Dục / BS Phan Huy Quát, kể từ khi Cựu Hoàng Bảo Đại trở lại nắm chánh quyền (1948).

2. Chương trình giáo dục bao gồm tiểu, trung và cao đẳng đại học, hậu đại học (Post Doctoral Degree) - thế nhưng "360 Degrees of Education" (cốt lõi của giáo dục) vẫn là trung học. Chương trình Hoàng Xuân Hãn, chương trình Phan Huy Quát ... là những "Gateway To The Future" cho tuổi trẻ Việt Nam.

3. \* Cụ thể, đó là nền giáo dục tự do, nhân bản và bình đẳng:

a. Mọi người được giáo dục miễn phí trong sự đào tạo căn bản là tiểu học (cưỡng bách giáo dục đến lớp nhất = lớp 5), không phân chia giai cấp, không phân biệt đảng phái, Kinh, Thượng...

b. Người học trò xuất sắc, thi đậu vào lớp đệ thất (lớp 6) trường công lập thì được học miễn phí đến hết bậc trung học (lớp đệ nhất = lớp 12). Trường công thu nhận từ 15%-20% học trò trung học. Số học trò còn lại do hệ thống trường tư huấn luyện, phụ huynh phải trả học phí tương đối nhẹ. Sau khi có Tú Tài 2, những học sinh giỏi thi đậu vào học ở các trường Cao Đẳng Chuyên Nghiệp như Sư Phạm, Công Chánh, Hành Chánh ... đều không phải đóng tiền học, lại còn được học bổng hàng tháng trong suốt học trình (3 hay 4 năm). Bằng không thì ghi danh học các đại học Luật, Văn Khoa, Khoa Học ... Học phí và lệ phí cũng phải chăng vì hầu hết là những đại học công lập (học và lệ phí cả năm học ở bậc cử nhân chỉ trên dưới 200 đô la trong khi ở Mỹ là 2,000 đô la cho sinh viên (thời điểm 1965, 200 đô=7,000 đồng. Lương tháng của thiếu úy là 4,500 đồng, GS cử nhân là 7,500 đồng).

\* Đó là nền giáo dục có kế hoạch toàn mỹ từ giới chức thẩm quyền và tích cực hợp tác của phụ huynh, con em. Học cụ tận tiến từ những quốc gia Âu Mỹ và phương pháp giảng dạy sống động của thầy cô - tận tâm yêu nghề. Điển hình là thầy cô được trọng vọng. Giáo Học Bộ Túc (có bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp được đào tạo trong 3 năm ở Trường Quốc Gia Sư Phạm...) có chỉ số lương bổng là 350 - trong khi Biên Tập Viên (có bằng Tú Tài) có chỉ số lương

là 320. Giáo Sư Cử Nhân (học từ Đại Học Sư Phạm hay Khoa Học, Văn Khoa) hay Giáo Sư Trung Học Đệ Nhứt Cấp có chỉ số lương là 470 - trong khi Kỹ Sư Nông Lâm Súc chỉ được 430 (Kỹ Sư từ Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ là 470).

\* Kết quả đó là nền giáo dục có phẩm chất cao.

a. Những trường cao đẳng (colleges), đại học (universities) đào tạo được những chuyên viên thượng thặng, nhất là về khoa học, kỹ thuật (hay STEM = Science, Technology, Engineering, và Math) đã huấn luyện được những kỹ sư, những nhà kỹ thuật tài ba đóng góp trực tiếp cho sự phát triển kinh tế quốc gia. Cụ thể là năm 1960, kỹ sư nước ta tiếp nhận công ty CEE (Compagnie des Eaux et d'Electricites – Công Ty Cung Cấp Điện Nước) từ tay những kỹ sư Pháp để rồi quản trị một cách ngoạn mục (người Pháp cho rằng kỹ sư Việt Nam không thể điều hành nổi công ty quá lớn bao trùm Saigon và các tỉnh miền Nam!). Rồi đến Nhà Máy Thủy Điện Đa Nhim do quý vị kỹ sư Nhật bàn giao, kỹ sư Việt Nam đã quản lý dễ dàng.

b. Với bằng Tú Tài, du sinh Việt Nam làm rạng rỡ con cháu Rồng Tiên khắp năm châu bốn biển. Ngoại ngữ còn lúng túng nhưng nhiều sinh viên nước Nam đã xong BA/BS chỉ sau 2, 3 niên khóa (trong khi dân bản xứ phải mất 4, 5 năm) rồi đậu Manga Cumlaude (3.8+) để được nhà trường chọn lựa học thặng lên Cao Học (Master's Degree) và Doctoral Degree. Đó là Nguyễn Đôn (Chu văn An), Nguyễn Duy Dũng (Võ Trường Toản), Nguyễn Xuân Hương ( Nguyễn Trãi), Đỗ Ý Ngọc (Gia Long), Đặng Kim Kiểm (Lê Văn Duyệt), Nguyễn Thị Phương ( Trịnh Hoài Đức) ... thành tài, trở về nước, phục vụ dân tộc. Sau biến cố 1975, di tản qua Mỹ, các học sinh đó học trở lại để trở thành những kỹ sư tài ba của các công ty Lockheed (Phạm Lệ Hà), IBM (Trương Sản) ... Đào tạo ở Saigon nhưng khi ra nước ngoài, chỉ ngỡ ngàng vài tháng, kỹ sư Việt Nam đã làm chủ tình hình khi trở lại ngành của mình (Kỹ sư công nghệ Nguyễn văn Ngọc, Canada, và rất nhiều kỹ sư công chánh làm việc cho công chánh Hoa Kỳ ...)

4. Giáo dục Việt Nam thời độc lập (9/3/1945) với bộ trưởng là GS Hoàng Xuân Hãn tới thời VNCH với Tổng Trưởng là DS Ngô Khắc Tinh là nền giáo dục nhân bản (lấy con người cao quý làm nền tảng), dân tộc (lựa chọn dòng giống Hùng Vương là căn bản) và khai phóng (cánh cửa mở rộng để đón tiếp văn hóa nhân loại) và cập nhật hóa kiến thức STEM ngõ hầu phát triển kinh tế đất nước.

## A. Giáo Dục Bậc Tiểu Học:

Học sinh tiểu học

Niên học	Số học sinh	Số lớp học	Số trường
1955-56	400865	8191	
1957-58	717198		
1959-60	1115000		
1960-61	1230000		
1963-64	145679	30123	
1964-65	1554063		
1970-71	2556000	44104	5208
1973-74	3101560		

### 1. Đại cương và chương trình học:

\* Giáo dục Việt Nam thời độc lập, bậc tiểu học là 5 năm: từ lớp năm tới lớp nhất. Rào cản phải học 2 năm lớp nhì dưới thời Pháp độ hộ hoàn toàn được bãi bỏ.

\* Theo Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa (1955-1963) thì chánh phủ “cưỡng bách giáo dục” đến hết lớp ba. Học sinh được miễn phí hoàn toàn (học phí và lệ phí). Trường sơ học (lớp năm, tư, ba) phát triển rộng rãi đến tận xã làng khắp miền Nam trù phú. Hiến pháp Đệ Nhị Cộng Hòa (1967) ấn định “cưỡng bách giáo dục” đến hết bậc tiểu học (hết lớp nhất hay lớp 5).

\* Học sinh tiểu học chỉ học một buổi (sáng hay chiều) và đến trường 6 ngày mỗi tuần (từ thứ hai đến thứ bảy). Đó là "cưỡng bách giáo dục" đến hết bậc tiểu học, thế nhưng cũng chỉ có 82% tổng số thiếu niên từ 6 đến 11 tuổi đến trường mà thôi (1970-71). Cũng có nhiều trường tư ở bậc tiểu học.

\* Trường tiểu học được khai giảng đầu tháng 9 mỗi niên khóa. Nghỉ hè ba tháng (6, 7, và 8) và trong năm học, học sinh thường được nghỉ khoảng 10 ngày lễ (Không Tử, Giáng Sanh, Tết Trung Thu ...)

Mỗi tuần lễ học 25 giờ:

- Lớp năm (lớp 1) có:

9.5 giờ Quốc Văn

2 giờ Công Dân Giáo Dục (Đức Dục)

còn lại là Khoa Học Thường Thức, Toán ...

- Lớp tư (lớp 2):

8 giờ Quốc Văn

2 giờ Công Dân Giáo Dục.

2 giờ Sử Ký, Địa Lý

làm Toán cộng trừ có số thập phân, còn lại là Khoa Học Phổ thông (Khoa

Học Thường Thức, Cách Trí, Vệ Sinh ...)

- Lớp ba (lớp 3), lớp nhì (lớp 4), lớp nhất (lớp 5):

6, 7 giờ Quốc Văn

2 giờ Đức Dục

2 giờ Sử Địa, Cách Trí và thêm giờ cho Toán: nhân chia tạp số, phân số ..

(cuối năm lớp nhất - ôn lại tất cả - nhất là Toán động từ để học sinh thi bằng tiểu học và thi tuyển vào lớp đệ thất trường công. Danh dự của quý thầy cô dạy lớp nhất là ở đây: Học trò của mình đậu nhiều và hạng cao).

2. Một đề thi Luận Quốc Văn và Toán tiêu biểu: những năm cuối thập niên 1950 trong kỳ thi tiểu học (học xong lớp nhất):

\* Luận Quốc Văn: Bình giảng câu: "Kẻ gieo gió là người gặt bão" và cho thí dụ cụ thể qua lịch sử Việt Nam hay kinh nghiệm trường đời nếu có.

\* Toán đố: Hải Phòng cách Hà Nội 132.5 km Đôi tình nhân đi xe đạp ngược chiều và hẹn gặp nhau ở quán ăn giữa đường mà ăn trưa mỗi chủ nhật. Trời cuối thu, sương mù quá, Lan Anh chỉ đạp xe được 10 km/giờ và khởi hành lúc 5 giờ sáng từ Hà Nội. Hai giờ sau, Lâm mới lên đường từ Hải Phòng với vận tốc 15 km/giờ. Hỏi họ gặp nhau lúc mấy giờ (đáp số: 11:30 sáng).

\* Hai bài trên, nếu học sinh lớp nhất trả lời thật nhanh và chính xác (nhẹ nhàng như trở bàn tay) thì trông thấy ngưỡng cửa của lớp đệ Thất. Thế nhưng đừng quên: còn bài Câu Hỏi Thường Thức (6 câu Sử Địa, 6 câu Cách Trí, Khoa Học Phổ Thông ...). Người viết bài có những con số thống kê về 3 bài thi trên trong các kỳ thi tuyển vào lớp đệ thất trường Trịnh Hoài Đức Bình Dương từ tháng 6 năm 1963 đến tháng 6 năm 1967. Những thí sinh được thâm nhận (khoảng 400 = 55 x 7 lớp) mỗi năm thường thường có điểm 24 trở lên (tức là 8 trên 10 - thang

điểm 10 cho mỗi bài). Educator of the Year 2005, Charlotte Mecklenburg Schools USA kết luận: “Học Trò Trịnh Hoài Đức nói riêng học trò các trường trung học công lập miền Nam nói chung : rất thông minh mà IQ của các em ở nhóm 110-125 (cao nhất là >125 như Albert Einstein, Ngô Bảo Châu, quý vị bác sĩ với 17, 18 năm học trường thuộc)”. À quên, số thí sinh dự thi kỳ thi vào lớp đệ thất trường Trịnh Hoài Đức mỗi năm trên 2,000 em.

### 3. Đào tạo giáo chức dạy Tiểu Học:



Trường Sư Phạm Saigon

#### a. Giáo chức Tiểu Học có 2 cấp (ít nhất):

\* Giáo viên tiểu học: có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (hay Diplôme, Brevet Élémentaire), trúng tuyển vào trường Sư Phạm và được đào tạo trong một niên khóa để thi tốt nghiệp. Ngạch trật và lương bổng (chỉ số 250) ngang chuẩn úy. Dạy các lớp năm, tư, ba.

\* Giáo Học Bổ Túc: điều kiện như trên nhưng được huấn luyện trong 3 niên học và thi ra trường ngạch trật và lương bổng (chỉ số 350) tương đương trung úy. Dạy lớp nhì, nhất và 2 lớp tiếp liên (đệ thất, đệ lục). Các trường trung học vì không đủ phòng nhiều trường tiểu học trở thành trường trung tiểu học và mở các lớp tiếp liên. Để nâng cao trình độ giáo chức tiểu học, kể từ niên học 1961-62, muốn trở thành Giáo Học Bổ Túc, thí sinh phải có Tú Tài I và thi vào trường Sư Phạm để học 2 niên khóa.

b. VNCH có các trường sư phạm ở các thành phố lớn như : Sài Gòn, Long An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên, Quy Nhơn, Nha Trang, Ban Mê Thuột ... Mỗi năm, các trường sư phạm này đào tạo cho quốc gia trên 2,000 giáo chức tiểu học nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu, các Ty Tiểu Học phải tuyển dụng giáo chức tiểu học theo tiêu chuẩn: lương công nhật, lương khế ước ... sau 3 đến 5 niên học thì cũng được vào chánh ngạch.

c. Xin đọc thêm bài "Giáo chức thời Việt Nam Độc Lập và VNCH . Đa tạ !

## B. Giáo Dục Bậc Trung Học:

### Học Trò Trung Học

Niên học	Số học sinh	Số lớp học	Số trường
1955-56	51,465	890	
1959-60	132,529		
1960-61	160,500		
1963-64	264,866	4,831	
1964-65	291,965		
1967-68	471,000		
1968-69	554,000		534
1969-70	632,000	9,069	
1974-75	1,091,779		

#### 1. Đại cương:

- a. Trung Học Đệ Nhất Cấp: học sinh lớp nhất chăm chỉ dễ dàng đậu bằng tiểu học (tỉ lệ đỗ là trên dưới 60%). Bằng này được Bộ Quốc Gia Giáo Dục bãi bỏ vào đầu thập niên 1960. Thế nhưng trúng tuyển kỳ thi vào đệ thất (lớp 6) trường công là cả một vấn đề (tỉ lệ trúng tuyển từ 15% đến 20% mà thôi). Đậu được vào đệ thất trường công lập là một chân trời mới, điển hình là 4 năm được học miễn phí với quý thầy cô đầy khả năng và bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp trong tầm tay.

Bằng không ta tìm nơi tư thực,

Đường có hơi dài, vẫn tới Rome”.

- Trung Học Đệ Nhất Cấp gồm 4 lớp: đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, đệ tứ (là các lớp 6, 7, 8, 9). Mỗi lớp, ngoài điểm hàng tháng còn có 2 kỳ thi đệ nhất và đệ nhị lục cá nguyệt cho tất cả các môn học kèm theo là lời phê từng giáo sư. Từ đệ thất học trò phải chọn một sinh ngữ chính là Anh hay Pháp Văn. Các môn chánh: Việt Văn, Công Dân Giáo Dục, Việt Sử, Địa Lý, Toán, Vật Lý, Hóa Học, Thể Dục, Vẽ, Âm Nhạc và các môn nhiệm ý như Nữ Công, Gia Chánh ... Mỗi tuần học từ 25 đến 27 giờ, ban sáng hay chiều và từ 8 giờ sáng ngày thứ hai đến 6 giờ chiều ngày thứ bảy. Cuối năm lớp đệ tứ, học sinh phải thi bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp. Đầu tiên là thi viết. Đậu thi viết mới được vào thi vấn đáp. Cũng may, Bộ Giáo Dục bỏ kỳ thi vấn đáp từ tháng 6 năm 1959, và bãi bỏ hẳn kỳ thi này vào tháng 6 năm 1967.
- Học hết lớp đệ tứ, học sinh phải có đủ điểm trung bình 10 trên 20 (thang điểm 20) hay phải đỗ bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp thì mới được tiếp tục học trường công bậc trung học đệ nhị cấp. Những chỗ trống đó nhường cho học trò trường tư đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp từ Bình Thứ trở lên (12+ là Bình Thứ, 14+ là Bình, 16+ là Ưu, 18+ là Ưu Ban Khen= Summma CumLaude). Niên khóa 1957-58 do áp lực của Hiệp Hội Tư Thực Việt Nam các trường trung học công ở Saigon nhận tất cả học sinh từ trường tư đậu bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp hạng Bình Thứ (xin được nhắc nhở: từ 80 đến 85 % học trò trung học ở miền Nam phải học trường tư) vào học đệ tam (lớp 10). Riêng trường Chu văn An năm này buộc học trò đang học trường công phải hội đủ hai điều kiện: Điểm trung bình 10 và có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (tỉ số đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp là trên dưới 30%) . Lớp đệ tam Chu văn An 1957-58 tinh hoa hơn bao giờ hết nhất là những lớp truyền thông như B1, B2 và A1, A2 (toàn là

Bình Thử, Bình, Ưu sau này là những kỹ sư, giáo sư, bác sĩ ... tài giỏi của đất nước. Thật đáng ca ngợi nền giáo dục VNCH.

Môn thi	Ngày	Thời lượng	Lợi ích của thí sinh
Quốc văn (Hán)	7	1	Thăng tiến chức vụ (nếu có)
Quốc văn (Việt)	7	1	Bình đẳng (Hán - Việt)
Toán	7.5	1	Được - T. Q. Q.
Ly - Hóa	0.25	02	Học với giáo - Thợ rèn
Văn chương	0.5	14	Hành chính (H. - V. L.)
Pháp văn	0.5	3	Kết quả của số thí sinh
Anh văn	0.5	1	Số thí sinh - P. T. K.
Sử lý	0.5	1	Thương - S. C.
Thi lý	0.5	1	Chức vụ - Thợ rèn
Vý - Mỹ thuật	0.5	1	Số thí sinh - Tiến bộ sau - T. D. C.
			Các thí sinh - Đ. T. T.
			Kết quả của số thí sinh - H. K. I.
			Kết quả của số thí sinh - H. K. I.
			Kết quả của số thí sinh - H. K. I.

Thi Vietnam Dec 1945 (9-3-1945) thi VNCH, Học sinh Trung học - Ngoại ngữ  
 hàng tháng - con thi 2 lần cả ngày. Tiến đây là kết quả kỳ thi của  
 lớp II (năm học 1949/50) của một lớp học. Ở bậc Trung học, Giáo sư  
 cho điểm trên 20 (scale of 20) - đó bằng cơ tương lai cho học 10  
 (scale of 10).  $\frac{6.99}{10} \approx \frac{7}{10}$  hay  $\frac{14}{20}$  (chỉ số).

b. Trung Học Đệ Nhị Cấp:

Trung học đệ nhị cấp gồm 3 lớp: đệ tam, đệ nhị, đệ nhất (lớp 10, 11, 12). Từ lớp đệ tam, học sinh phải chọn thêm sinh ngữ phụ (sinh ngữ 2) Anh hay Pháp Văn. Cũng từ lớp đệ tam, học sinh phải chọn 1 trong 4 ban:

- Ban A: Khoa Học Thực Nghiệm hay Vạn Vật: học nhiều giờ Thực Vật, Động Vật, Cơ Thể Học ...
- Ban B: Toán: học nhiều giờ Toán : 9 giờ/tuần về Hình Học, Đại Số, Lượng Giác, Cơ Học, Thiên Văn ...
- Ban C: Văn Chương : học nhiều giờ Văn Chương, Việt Hán, Sinh Ngữ Anh, Pháp Văn...
- Ban D: Văn Chương Cổ Ngữ: học sinh chọn Hán Tự hay La Tinh là ngoại ngữ thứ hai sau Anh hay Pháp.

\* Ở lớp đệ nhất (lớp 12), Việt Văn được thay thế bằng môn Triết Học: mà học Luận Lý Học, Đạo Đức Học, Tâm Lý Học, Siêu Hình Học tùy theo ban mà học sinh đã chọn hồi năm đệ tam.

\* Học sinh bậc trung học đệ nhị cấp học từ 28 đến 30 giờ mỗi tuần vào buổi sáng hay buổi chiều. Giờ học từ 8 giờ sáng ngày thứ hai đến 6 giờ chiều ngày thứ bảy. Học sinh lớp đệ nhị và đệ nhất rất bận rộn.

\* Cuối năm lớp đệ nhị (lớp 11) học sinh phải thi tú tài 1 (Tú Tài Bán Phần): các em thi viết các môn chánh của từng ban (như ban B là Toán, Lý Hoá, Việt Văn, Sinh Ngữ chính ...). Đủ điểm trung bình 10/20 (thang điểm 20) thì được vào thi vấn đáp (tất cả các môn học). Tỷ lệ đậu Tú Tài I là từ 15% đến 20%. Rất may, kỳ thi vấn đáp được Bộ Giáo Dục bỏ từ năm 1968 để rồi năm học 1972-73, bộ ký nghị định bãi bỏ hoàn toàn kỳ thi Tú Tài phần thứ nhất. Trước đó, phải đậu Tú Tài phần I học sinh mới được học lớp đệ nhất và thi Tú Tài II. Người có bằng Tú Tài I có thể đi làm Lục Sự ở toà án hay làm Thơ Ký Hành Chánh với số lương khoảng 2,400 đồng/tháng (com tháng là 600 đồng).

Cuối năm lớp đệ nhất, học sinh phải thi Tú Tài II (Tú Tài Toàn Phần). Các em thi viết các môn chánh mỗi ban (như ban A thi Vạn Vật, Lý Hoá, Triết ...) . Khi đủ điểm trung bình mới được vào thi vấn đáp (tất cả các môn). Kể từ tháng 6 năm 1974, bằng tốt nghiệp trung học được gọi là Tú Tài Phổ Thông, thi tất cả các môn bằng phương pháp trắc nghiệm (thay vì viết luận văn) và được chấm bằng máy điện tử IBM 360/20, 30, 40, 50. Tỷ số đậu Tú Tài II là trên dưới 30%. Thế nhưng với trắc nghiệm và chấm bằng máy điện tử IBM hai kỳ thi Tú Tài Phổ thông năm 1974 (khoá 1 tháng 6 và khoá 2 tháng 8) tỉ lệ trúng tuyển tăng nhiều (từ 30% lên 50%). Những năm đầu thập niên 1960, học trò có bằng Tú Tài Toàn Phần và có quen biết dễ dàng được vào dạy học ở các trường tư tại Sài Gòn như Trường Trung Học Kỹ Thuật Don Bosco (do tu sĩ dòng Don Bosco thành lập năm 1956 tại Gia Định) với lương tháng của thầy giáo dạy Toán các lớp đệ thất, lục, ngũ (20 giờ/tuần) là 3,000 đồng (trong khi một tạ gạo giá 500 đồng/ 1 người mỗi tháng ăn hết 10 kg gạo = 50 đồng, tiền thuê studio = phòng nhỏ 100 đồng, tô phở ngon là 5 đồng và vé xem chiếu phim thường trực là 3 đồng).



Là một nước nghèo, với bằng Tú Tài Toàn Phần mà trúng tuyển vào các trường cao đẳng hay chuyên nghiệp (Cao Đẳng Công Chánh, Đại Học Sư Phạm, Kỹ Sư Nông Lâm Súc ..) là một giấc mơ của đại đa số sinh viên (Kỹ Sư Công Chánh mỗi năm tuyển 25 sinh viên, mà số thí sinh cả ngàn, tương tự cho Đại Học Sư Phạm Sài Gòn), lại lọt được vào mắt xanh của giai nhân.

Tháng 8 năm 1928, dưới thời Pháp Thuộc, Nha Học Chánh Đông Pháp mở kỳ thi Baccalaureat Première Partie đầu tiên ở Hà Nội (bằng tiếng Pháp). Đó là kỳ thi Tú Tài phần I lần đầu tiên tại Đông Dương. Tháng 9 năm 1929, người Pháp cho mở kỳ thi Baccalaureat Deuxième Partie. Đó là kỳ thi Tú Tài II (toàn phần) đầu tiên vậy. Sau ngày

độc lập (9/3/1945) vua Bảo Đại ký đạo dụ dùng chữ Quốc Ngữ trong chương trình học và các kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp và Tú Tài.

Kết quả kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp và Tú Tài Hai  
khóa mùa hè năm 1955 (tháng 6 và tháng 8)

Chương trình Việt	Số thí sinh	Đậu	Tỉ lệ
Tú Tài Phần I –khóa 1	1077	257	24%
Tú Tài Phần I –khóa 2	576	88	15%
Tú Tài Phần II –khóa 1	332	145	44%
Tú Tài Phần II –khóa 2	148	62	42%
Bảng Tương Đương Tú Tài Việt Nam	13	5	38%
Trung Học Đệ Nhất Cấp – khóa 1	2975	1325	45%
Trung Học Đệ Nhất Cấp – khóa 2	1393	255	18%
Bảng Tiểu Học	32143	19525	61%

Chương trình Pháp	Số thí sinh	Đậu	Tỉ lệ
Bac. 1 ère Partie (Tú Tài I)	1714	341	20%
Bac. 2 ère Partie (Tú Tài II)	655	230	35%
Brevet Elementaire (Trung Học Đệ Nhất Cấp)	5369	994	19%
Certificat d'Etudes Primaire (Tiểu Học)	545	341	63%



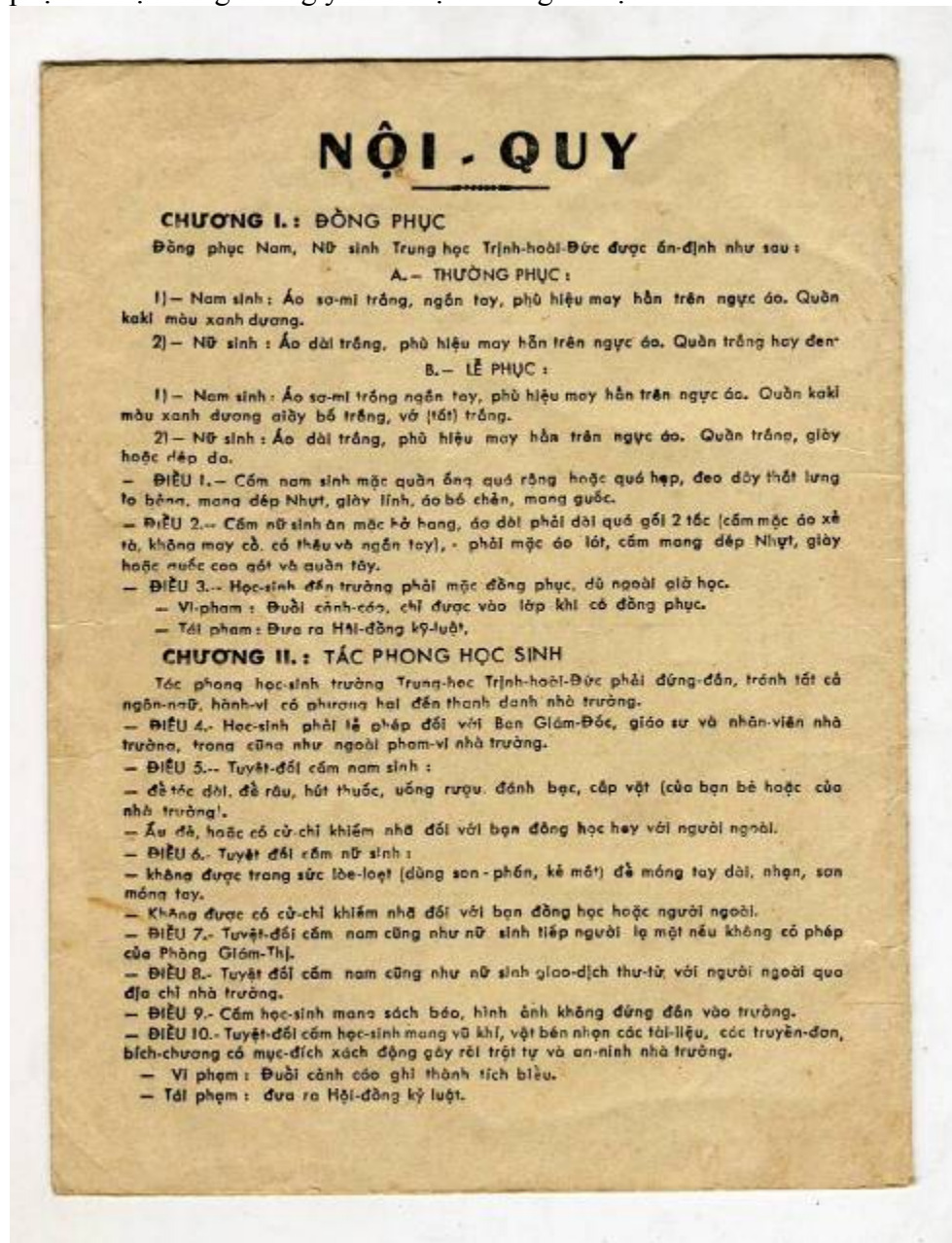
Ban Giám Đốc, Giáo Sư và học sinh Trịnh Hoài Đức (Bình Dương)  
nghiêm chỉnh chào cờ

Những năm đầu của VNCH ảnh hưởng văn hoá/giáo dục Pháp còn nhiều lắm: điển hình là kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp (Brevet Élémentaire): thi bằng tiếng Pháp có 5,369 thí sinh trong khi chương trình Việt chỉ có 2,975 thí sinh mà thôi. Việc giảng dạy đôi khi còn dùng tiếng Pháp như môn Sử Việt nam, dạy cho sinh viên Việt Nam (mấy



khoá đầu ở trường ĐHSP Sài Gòn – khai giảng khoá 1 năm 1958 – giáo sư là người Việt nhưng giảng bài bằng tiếng Pháp!).

Học sinh trung học ngay từ lớp đệ thất đã phải mặc đồng phục (nhất là các trường công lập). Nam sinh thì áo sơ mi trắng, quần màu xanh biển, nữ sinh thì áo dài trắng, quần đen hay trắng. Học sinh phải đeo phù hiệu tên trường trên áo, phía tay trái. Đồng phục là một trong những yếu tố mạnh của giáo dục VNCH.



Một phần Nội Quy của học sinh trường Trịnh Hoài Đức – Bình Dương (hình: Hồ thị Huyền Chi)

3. Những trường trung học đệ II cấp tiêu biểu của quốc gia:

VNCH cho tới năm 1974 có 44 tỉnh và 10 thị xã (tương đương tỉnh). Tỉnh lỵ và thị xã có ít nhất một trường trung học đệ II cấp (xin hiểu là bao gồm cả trung học đệ nhất cấp). Mỗi tỉnh có nhiều quận và bình thường, mỗi quận có một trường trung học đệ nhất cấp. (khoảng 1,000 học sinh).

Sài Gòn và vùng phụ cận có nhiều trường trung học nổi tiếng (giáo sư đầy đủ khả năng, tận tâm và học sinh giỏi, đậu Tú Tài với tỉ lệ trên 50%). Đó là các trường Pétrus Ký, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Võ Trường Toản, Mạc Đĩnh Chi, Gia Long, Trưng Vương, Lê Văn Duyệt ... Rồi Trịnh Hoài Đức (Bình Dương), Ngô Quyền (Biên Hoà), Lê Ngọc Hân - Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho), Tống Phước Hiệp (Vĩnh Long), Đoàn Thị Điểm - Phan Thanh Giản (Cần Thơ), Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên), Hoàng Diệu (Ba Xuyên), Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc), Đồng Khánh - Quốc Học (Huế), Phan Chu Trinh (Đà Nẵng), Cường Để (Qui Nhơn), Võ Tánh (Nha Trang), Bùi thị Xuân - Trần Hưng Đạo (Đà Lạt), Nguyễn Huệ (Tuy Hoà), Nguyễn Hoàng (Quảng Trị) ...

Giáo Viên Tiểu Học và Giáo Học Bổ Túc do Ty Giáo Dục mỗi tỉnh điều động. Giáo Sư Trung Học Đệ Nhất Cấp và Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp trực thuộc Nha Trung Học ở trung ương (Bộ Giáo Dục). Một, hai năm trước khi VNCH tan rã, với chánh sách tản quyền, quý vị giáo sư trung học trực thuộc Ty Học Chánh ở mỗi tỉnh (Ty Tiểu Học được sát nhập vào Ty Học Chánh). Đô thành Sài Gòn và những thành phố lớn là Sở Học Chánh. Từ Việt Nam qua Âu Châu đến Mỹ thì ở bất cứ thời điểm nào: Nhà thương và trường học là khoa bảng nhất.

#### 4. Đào tạo giáo chức bậc trung học: (Ty Học Chánh = Ty Văn Hoá Giáo Dục):

Giáo dục nước ta thời Độc Lập và ngay cả thời VNCH (cho đến cuối thập niên 1960-67 là hậu thân, không ít thì nhiều của giáo dục Pháp. Mà Pháp thì lãng mạn, văn chương, phóng túng ... đến độ: “Tự do ơi!, nhân danh mi mà người ta phạm không biết bao nhiêu tội lỗi!!” Thế nhưng giáo dục Pháp lại rất chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, khoa bảng hàng hàng lớp lớp, thầy cô được đào tạo rất kỹ, được trọng vọng (quân, sư, phụ). Học trò tôn kính thầy (Tôn Sư Trọng Đạo). Tôi yêu giáo dục Hoàng xuân Hãn, Phan Huy Quát ...

Để trở thành giáo sư trung học, ứng viên có bằng Tú Tài Toàn Phần và trúng tuyển vào Trường Cao Đẳng Sư Phạm được thành lập từ năm 1914, hay Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn (từ năm 1958):

Sinh viên được đào tạo trong 2 niên khoá, và đậu kỳ thi tốt nghiệp. Nha Trung Học bổ nhiệm làm Giáo Sư Trung Học Đệ Nhất Cấp hạng tư. Ngạch trật và lương bổng : chỉ số 370 tương đương Đại Úy Thực Thụ bậc 1. Trách nhiệm: dạy 18 giờ/tuần.

Sinh viên được huấn luyện qua 4 năm học, và đỗ kỳ thi ra trường. Bộ Giáo Dục bổ nhiệm làm Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp hạng tư. Đó là Giáo Sư Cử Nhân Giáo Khoa. Ngạch trật và lương bổng: chỉ số 470, ngang Thiếu Tá thực thụ bậc 1. Trách nhiệm: dạy 15 giờ/tuần. Sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Huế (1957), Cần Thơ (1960) phải học mỗi tuần 45 giờ vì bên cạnh những môn chuyên ngành (như ban Sử Địa, Lý Hoá ...) còn phải học những môn học về giáo dục như : Triết Lý, Tâm Lý Giáo Dục, Vệ Sinh Học Đường, Quản Trị ... và đi thực tập dạy học ở các trường trung học.

Đại Học Sư Phạm không cung ứng kịp cho đà phát triển giáo dục bậc trung học nhất là Trung Học Đệ II Cấp (đòi hỏi thầy cô phải có 4 năm đại học) nên quý vị Cử Nhân Khoa Học, Văn Khoa, Luật Khoa (chỉ số 430 hay BA) và Cử Nhân Giáo Khoa Toán,

Giáo Khoa Anh Văn (chỉ số 470 hay BS) được Bộ Giáo Dục tuyển dụng. Lúc đầu làm giáo sư dạy giờ, rồi công nhật, khế ước và vào chánh ngạch ...

(Xin đọc thêm Giáo Chức thời Việt Nam Độc Lập và VNCH. Đa tạ).

Giáo sư làm việc chăm chỉ, hạnh kiểm tốt, cứ 2, 3 năm thăng một trật và cứ như thế lại thêm 40 chỉ số: hạng ba: 510, hạng nhì 550, hạng nhất: 590. Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp hạng nhất sau 2, 3 năm công vụ thì lên: Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp Thượng Hạng - Hạng Tư (chỉ số 690 – lên 100 chỉ số), ngạch trật tương đương Tiến Sĩ Quốc Gia, Bác Sĩ Y Khoa, Đại Tá thực thụ bậc 1).

5. Hệ thống trường tư: Ngoài những trường trung học công lập, 80% học sinh trung học (1974-75) phải học ở các trường tư thục (gần 1,000 trường). Có ít nhất 3 hệ thống tư thục:

\* Giáo Hội Thiên Chúa: quản trị trực tiếp hay gián tiếp hệ thống Lasan Taberd (nam sinh), Couvent des Oiseaux, Regina Pacis, Regina Mundi, Nguyễn Bá Tông ... Những trường này có cả bậc tiểu học ở các thành phố lớn, nâng số trường tư lên gần 1,100 trường (trung và tiểu học) hoạt động mạnh từ thời Pháp đô hộ.

\* Phật Giáo Việt Nam: có hệ thống trường Bồ Đề chỉ hoạt động mạnh sau năm 1963.

\* Trường của tư nhân: Văn Lang, Hưng Đạo, Trường Sơn, Văn Học, Nguyễn Khuyến, Bác Ái, Phan Sào Nam, Hệ Thống Thánh Mẫu, Thánh Giuse, Thánh Thomas, Sao Mai, La Vang...



Vị giáo sư ban Tú Tài – ngày cuối niên học 1965/66 tại một trường trung học tư.

#### 6. Trường Kỹ Thuật và Tổng Hợp:

Tất cả những trường trung học công và tư ở trên đều là trường phổ thông (dạy chữ). Trường kỹ thuật dạy phổ thông và dạy nghề, học sinh phải trúng tuyển kỳ thi vào lớp đệ thất (lớp 6) và thời khoá biểu kín mít (học 42 giờ/tuần) Các trường trung học kỹ thuật: Cao Thắng (1956), Nguyễn Trường Tộ, trường Kỹ Thuật Bình Dương... Ngoài ra, còn có các trường trung học Nông Lâm Súc Bảo Lộc, Bình Dương ... Tư thục là trường Don Bosco (1956, Gia Định).

Từ năm 1969, giáo dục thực tiễn của Mỹ ngấm dần và những trường trung học tổng hợp ra đời (học theo lối tín chỉ = credit)/ hướng nghiệp với các môn kinh doanh, kinh tế gia đình, công nghệ... Đó là các trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức, Huế. Ở Sài Gòn có trung học Nguyễn An Ninh, Sương Nguyệt Anh...

7. Học trò trường tư có 3 cơ hội để học trường công lập:

\* Trúng tuyển kỳ thi vào lớp đệ thất (lớp 6).

\* Đậu bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp - từ Bình Thứ trở lên được vào lớp đệ Tam

\* Đậu bằng Tú Tài Phần Một: được vào học lớp đệ Nhất miễn phí.

8. Phải khó khăn lắm, Bộ Quốc Gia Giáo Dục - qua Nha Trung Học – và với sự cộng tác ngoạn mục của Nha Nhân Viên, Nha Sư Phạm và Tu Nghiệp, Nha Kế Hoạch, Trung Tâm Học Liệu, Thanh Tra Đoàn .. mới quản lý hữu hiệu được hệ thống các trường trung học công lập, nhất là bậc trung học đệ nhị cấp - cầu nối giữa trung và đại học. Nha Tư Thục với nhà giáo khả kính Vũ Đức Chang đã ngụp lặn trong gần 1,100 trường tiểu và trung học tư (1974-75 - với khoảng 1.2 triệu học trò!). 80% Tổng, Bộ Trưởng Giáo Dục miền Nam là nhà khoa học kỹ thuật (giáo sư toán, bác sĩ, dược sĩ) nhưng quý vị ấy đã quên học trò tư thục. Các trường tư thục đúng ra phải được quản lý bằng một Thứ Trưởng Tư Thục có tầm cỡ. Hoa Kỳ vốn coi thường giáo dục (thầy cô gọi là teacher, lương rẻ như bèo), CMS (North Carolina) chỉ là một Khu Học Chánh cỡ trung bình (160 trường, 145,000 học sinh, 9,300 teachers = giáo viên, với ngân sách niên khoá 2013-14 là 1.2 tỉ đô la) mà Trưởng Khu Học Chánh và dân quản trị, cố vấn đã có 6, 7 Tiến Sĩ Giáo Dục (EdD, PhD). Trong kỳ thi trắc nghiệm giáo dục toàn cầu (PISA = Program for International Student Assessment) tổ chức tháng 11 năm 2013 tại Amsterdam – Hoà Lan dành cho học trò từ 10-15 tuổi với 65 quốc gia với hơn nửa triệu học sinh tham dự, Hoa Kỳ đứng hạng thứ 20 cho cả 3 môn thi quốc tế. Trong khi đó Thượng Hải (Trung Quốc) đứng thứ nhất. Những nước có điểm cao là Singapore, South Korea, Japan, và Hongkong. Hân hạnh lắm, Việt Nam được xếp hạng cao hơn Mỹ (thi lần đầu).

Hạng	Đơn vị tham dự	Toán	Khoa Học	Reading
1	Shanghai <sup>(1)</sup>	613	580	570
	International Average	494	501	496
20	Hoa Kỳ	481	498	498
65	Peru	373	373	384

(1) Dân số Thượng Hải là 23 triệu (2010).

### C. Giáo Dục Bậc Cao Đẳng, Đại Học:

Niên học	Số sinh viên
1959-60	7,500
1960-61	11,708
1962-63	16,835
1964-65	20,834
1970-71	50,000
1974-75	166,475

#### 1. Đại cương:

Đại học Việt Nam thời Độc Lập và Cộng Hoà là tiếp nối truyền thống Đại Học Đông Dương (1906) ở Hà Nội. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Pháp cho đến năm 1969!. Trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn là phân khoa đầu tiên có nỗ lực cho bài vở được

giảng dạy bằng tiếng Việt. Hoan hô quý vị Giáo Sư Thạc Sĩ: Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, và Nguyễn Cao Hách ...

Với bằng Tú Tài Toàn Phần, sinh viên được tự do ghi danh và học trường đại học mình muốn, không phải đóng học phí (đại học công), nếu có, chỉ là lệ phí (fee) thi cử cuối năm. Các ngành chuyên nghiệp như Kỹ Thuật (Cao Đẳng Công Chánh, Kỹ Sư Canh Nông), Sư Phạm, Hành Chánh, Y, Dược, Nha Khoa ... thì sinh viên phải qua một kỳ thi tuyển rất gay go. Sinh viên các trường chuyên nghiệp đa số được cấp học bổng trong suốt học trình và khi ra trường thì chắc chắn có việc làm và phải làm 10 năm cho chánh phủ.

Đại học có 4 bậc:

Bốn năm đầu cho bậc một: undergraduate tức là Cử Nhân, ba bậc sau là grad.

Có Cử Nhân rồi học lên 2 năm nữa và đậu là Cao Học (DES = Diplôme d'Étude Supérieure = Master's Degree).

Có Cao Học rồi học thêm 2 năm nữa và trình luận án sẽ có bằng Tiến Sĩ (Doctorate's Degree = PhD).

Có Tiến Sĩ rồi học thêm 1, 2 năm nữa và thi đậu kỳ thi tuyển là Concours d'Agrégation thì có bằng Thạc Sĩ (Agrégé Postdoctorate's Degree = Post Doctor Fellow = đỉnh cao của khoa cử).

Để có bằng Tiến Sĩ hay Thạc Sĩ, sinh viên phải qua Pháp mà trình, mà thi. Bằng cấp của Pháp ở hai bậc cuối rắc rối lắm. Đối với ngành: Văn Khoa, Khoa Học, Sư Phạm thì Agrégé < Docteur, nhưng đối với Y Khoa, Luật Khoa thì Agrégé > Docteur và kìm kẹp quá vì có ba loại Docteurs: Docteur de Troisième Cycle, Docteur de L'Université và Docteur d'État. Xin giản dị và thực tế như Mỹ - cho tất cả các môn học có 4 bậc: Bachelor, Master, Doctor, Postdoctor. Nên lắm thay! Đừng gọi DES, hay Master là Thạc Sĩ nhé!

Ban đầu đại học, học mỗi niên học là 2 lục cá nguyệt nhưng dồn lại thi cuối năm và tháng 5. Đầu thập niên 1970 hầu hết các đại học chuyển qua lối tín chỉ. Năm học chia ra 3 học kỳ: mùa thu, đông và xuân. Một môn học 3 giờ một tuần trong một học kỳ và thi đậu thì được 3 tín chỉ (credits). Giáo sư Lê Xuân Khoa, nguyên Phó Hiệu Trưởng Viện Đại Học Sài Gòn đã hết lòng cố võ cho lối học theo credit này. Hoan hô!

2. Đại học công: Có 4 viện đại học công. Mỗi viện đều có nhiều phân khoa. Viện trưởng do tổng thống bổ nhiệm. Khoa trưởng do giáo sư trong Hội Đồng Khoa bầu lên. Dân chủ tự trị lắm.



Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật  
(Phi Tho, Saigon) là tiền thân của  
Viện Đại học Bách Khoa Thủ Đức  
(Thuduc Poly, 1973)

- a. Viện Đại Học Sài Gòn:
  - Viện Đại Học Đông Dương, năm 1955 đổi tên là Viện Đại Học Quốc Gia. Đến năm 1957, Viện Đại Học Quốc Gia lại đổi tên là Viện Đại Học Sài Gòn. Các viện trưởng: Linh Mục Cao Văn Chiếu, Bác Sĩ Trần Quang Đệ, Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Huy, Tiến Sĩ Nguyễn Quang Trinh, Tiến Sĩ Lê Văn Thới, Tiến Sĩ Trần Văn Tấn...
  - Là viện đại học lớn nhất nước có hầu hết các phân khoa nên 70% sinh viên theo học tại đó (niên học 1970-71 tổng số sinh viên VNCH là 50,000 thì 35,000 là sinh viên Viện Đại Học Sài Gòn. Văn phòng viện trưởng đặt tại số 3 Công Trường Chiến Sĩ (gần trường Luật).
- b. Viện Đại Học Huế:
  - Được thành lập năm 1957 với 5 phân khoa: Khoa Học, Luật, Văn Khoa, Y Khoa, Sư Phạm.
  - Viện trưởng đầu tiên là GS Nguyễn Quang Trinh rồi LM Cao Văn Luận. Niên học 1969-70 có 3,359 sinh viên. Ở đây còn có Viện Hán Học, Trường Cán Sự Y Tế, Trường Nữ Hộ Sinh và Cao Đẳng Mỹ Thuật.
- c. Viện Đại Học Cần Thơ:
  - Được thành lập năm 1966 với 4 phân khoa: Khoa Học, Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội, Văn Khoa, Sư Phạm.
  - Viện trưởng đầu tiên là: Thạc Sĩ Phạm Hoàng Hộ. Niên học 1969-70 có 2,694 sinh viên.
- d. Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức (Thuduc Polytechnic University hay Thuduc Poly):
  - Được thành lập năm 1973. Tiền thân là Trung Tâm Quốc Gia Kỹ thuật (1957), Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật (1972). Nhà trường chú trọng đến các ngành thực tiễn: Kỹ Thuật, Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp, Thú Y...
  - Viện trưởng là Tiến Sĩ Đỗ Bá Khê, EdD. Thủ Đức Poly gồm các trường Đại Học Kỹ Thuật, Đại Học Nông Nghiệp, Đại Học Giáo Dục (Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật), Đại Học Kinh Thương, Đại Học Khoa Học Cơ Bản, Đại Học Thiết Kế

Thành Thị Nông thôn, và College of Graduate Studies đào tạo Cao Học và Tiến Sĩ.

3. Đại học tư:

a. Viện Đại Học Đà Lạt:

- Được thành lập năm 1957 với 5 phân khoa: Khoa Học, Chánh Trị Kinh Doanh, Văn Khoa, Thần Học và Sư Phạm. Viện Đại Học Đà Lạt trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.
- Viện trưởng đầu tiên là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, sau đó là Linh Mục Nguyễn Văn Lập (1961-70) và Linh Mục Lê Văn Lý. Niên học 1958-59 có 49 sinh viên, 1969-70 có 2,500. Từ năm 1957 đến 1975, theo ước tính, nhà trường đã đào tạo được 26,500 sinh viên. Những năm đầu, không có sinh viên, Bộ Giáo Dục đã phải gọi sinh viên 2 ban Triết và Pháp Văn từ ĐHSP Sài Gòn lên học ở Đà Lạt để hỗ trợ (trường có khu nội trú rất khang trang).

b. Viện Đại Học Vạn Hạnh (Vạn Hạnh là tên một danh tăng Việt Nam đời Lý):

- Được thành lập năm 1964 tại số 222 đường Trương Minh Giảng Sài Gòn và trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (khối Ấn Quang) với 5 phân khoa: Phật Học, Văn Học và Nhân Văn, Khoa Học, Xã Hội Giáo Dục, và Khoa Học Ứng Dụng. Niên học 1964-65 có 696 sinh viên, 1969-70 có 3,210 sinh viên.
- Viện trưởng đầu tiên là Thượng Toạ Thích Minh Châu (Tiến Sĩ Phật Học tại Ấn Độ).

c. Viện Đại Học Phương Nam:

- Được thành lập năm 1967 tại số 16 đường Trần Quốc Toản Sài Gòn và trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (khối Việt Nam Quốc Tụ) với 3 phân khoa: Kinh Thương, Ngoại Ngữ, và Văn Khoa.
- Viện trưởng đầu tiên là Tiến Sĩ Luật Khoa Lê Kim Ngân. Niên khoá 1969-70 có khoảng 750 sinh viên.

d. Viện Đại Học An Giang (hay Viện Đại Học Hoà Hảo):

- Được thành lập năm 1970 ở Long Xuyên và trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Hoà Hảo với 6 phân khoa: Thương Mại Ngân Hàng, Khoa Học Quản Trị, Giao Dịch và Bang Giao Quốc Tế, Nông Nghiệp, Văn Khoa và Sư Phạm, Đông Y và Trung Tâm Sinh Ngữ. Lớp cử nhân đầu tiên với khoảng 500 sinh viên các ngành đã tốt nghiệp tháng 3 năm 1975.
- Viện trưởng là Thượng Nghị Sĩ Lê Phước Sang, một thanh niên đầy nhiệt huyết của giáo hội và tuổi trẻ miền Tây. Ông tốt nghiệp từ University of Pittsburg, Graduate School of Public and International Affairs.

e. Viện Đại Học Cao Đài:

- Được thành lập năm 1971 tại Tây Ninh, và trực thuộc Giáo Hội Cao Đài với 3 phân khoa : Thần Học Cao Đài, Nông Lâm Súc, và Sư Phạm.
- Viện trưởng là Luật Sư Nguyễn Văn Lộc (nguyên Thủ Tướng VNCH).
- Tiến Sĩ Mai Thanh Truyết (Trưởng Ban Hoá Học , ĐHSP Sài Gòn) là Giám Đốc Học Vụ của viện (tháng 3/1973, ông được nhà trường trả lương hàng tháng là 20,000 đồng).

f. Viện Đại Học Minh Đức: với tôn chỉ: Dân Tộc, Hiện Đại Hoá và Thực Dụng.

- Được thành lập năm 1970 tại Sài Gòn do Giáo Hội Thiên Chúa Giáo điều hành với 5 phân khoa: Kỹ Thuật Canh Nông, Khoa Học Kỹ Thuật, Kinh Thương (Kinh Tế & Thương Mại), Nhân Văn Nghệ Thuật, (Triết Học) và Y Khoa (khi Sài Gòn

tan rã, nhà trường đang có lớp Y Khoa năm thứ 5. Sau đó sinh viên được học tập chánh trị và được tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ, tháng 6 năm 1976: BS Nguyễn Bích Hạnh ...)

- Viện trưởng là LM Bửu Dưỡng. Khoa trưởng khoa Kinh Thương là Tiến Sĩ Nguyễn Hải Bình.
4. Đại Học Cộng Đồng 2 năm: (2 year community colleges): từ 1971 – theo mô hình Hoa Kỳ phục vụ cộng đồng từng địa phương:
- a. Trường công:
    - Đại Học Cộng Đồng Tiền Giang ở Mỹ Tho: trung tâm nông nghiệp.
    - Đại Học Cộng Đồng Duyên Hải ở Nha Trang: hướng về ngư nghiệp.
    - Đại Học Cộng Đồng Long Hồ ở Vĩnh Long: chuyên về nông, ngư nghiệp.
    - Đại Học Cộng Đồng Quảng Đà ở Đà Nẵng: chủ yếu là kỹ thuật, đào tạo cán sự (cơ khí, điện ...) và ngư nghiệp. Sứ gia Trần Gia Phụng (tốt nghiệp ĐHSP Huế) là GS Đại Học Cộng Đồng Quảng Đà.
  - b. Trường tư:
    - Đại Học Cộng Đồng Regina Pacis (dùng phòng ốc của trường trung tiểu học Regina Pacis) trực thuộc Giáo Hội Thiên Chúa, thành lập năm 1969 và chỉ dành cho phái nữ.



Đại học Cộng đồng (Community College) Regina Pacis dành cho nữ giới (Woman Junior College) được thành lập năm 1969 (Chương trình học là 2 năm như ở Mỹ). Thời đầu tiên - tốt nghiệp năm 1972 (Kỹ thuật và Chăm sóc Kỹ thuật).

5. Các trường âm nhạc, mỹ thuật:  
Bên cạnh những trường cao đẳng, đại học và đại học cộng đồng 2 năm, miền Nam còn có các trường nghệ thuật: Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn (1956), Trường Quốc Gia Âm Nhạc Huế (1962), Trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn (1954)...
6. Đào tạo giáo chức bậc đại học:
- a. Giáo chức bậc đại học: một phần là quý vị tốt nghiệp từ Đại Học Đông Dương ở Hà Nội trước năm 1954 (như cụ Nghiêm Toàn...), một phần là du sinh Việt Nam thành tài rồi về nước (niên học 1064-65 có 1522 sinh viên đi Pháp học và 399 du sinh<sup>(1)</sup> đi Mỹ, một trong những du sinh thành tài là Dr. Võ Hân PhD in Economics ...)
  - b. Xin đọc thêm bài Giáo Chức Việt Nam thời Độc Lập (3/1945). Đa tạ.



c. Niên học 1970-71, VNCH có tổng cộng 50,000 sinh viên thế nhưng chỉ có 941 nhân viên giảng huấn. Theo đúng cấp số thì giáo chức đại học phải là Tiến Sĩ (Docteur), Thạc Sĩ (Postdocteur). Thế nhưng Việt Nam thời Độc Lập và thời Cộng Hoà đa số quý vị giáo sư đại học chỉ là Cử Nhân, Cao Học (DES). Nói khác đi là quý vị dạy giờ, công nhật hay khế ước – là Chargé d'Enseignement (Giảng Viên), là Chargé de Cours (Phụ Giảng hay Giảng Sư). 941 tính tròn là 1,000 rồi tính tròn đến cấp Tiến Sĩ thì ta có tỉ số là  $1,000/50,000 = 1/50$  nhân viên giảng huấn. Nhìn qua Hoa Kỳ hôm nay (2013), như ở University of Richmond (VA) là National Liberal Arts College (TOP 50) thì tỉ số đó là 1/8, ở Williams College (MA) (TOP 5) thì tỉ lệ là 1/7, và giáo sư là Professor Postdoctor (đôi khi là Professor Dual Doctor như Tiến Sĩ Lương Khoa Nguyễn Mạnh Tường). Professor Postdoctor thì ngay tại Mỹ hôm nay cũng còn hiếm lắm. Ngành nhân văn thì chắc chắn chưa có. STEM thì đã có từ những năm 1995- 96, và càng ngày càng tiến bộ: với khoảng 3,000 người có Postdoctoral Fellowship (bằng 3 nước Trung Quốc, Nhật, và Nam Hàn cộng lại). Miền Nam cho tới tháng 4/1975 chỉ có 8 vị: Luật 3 và Y Khoa 5).

Kể từ niên học 1970-71, nhiều đại học mới được khai giảng: Minh Đức, Cao Đài, Hoà Hảo và Đại Học Cộng Đồng 2 năm (Community College) Số sinh viên gia tăng nhưng số thầy cô vẫn thế (941). Giáo sư đại học là những phi hành gia!: đầu tuần dạy ở Đà Lạt, giữa tuần bay xuống dạy ở Miền Tây (Hoà Hảo), cuối tuần lại bay ra Cộng Đồng Duyên Hải Nha Trang để trả bài!. (Không có thì giờ để khảo cứu, tìm tòi trong khi teaching to research and research for teaching - dạy học để khảo cứu và khảo cứu để dạy học). Giáo trình năm nay giống y chang năm trước!.

### Lời kết:

Phòng thí nghiệm thì quá sơ sài, giáo sư thì bay vào quỹ đạo <sup>(2)</sup>, và đôi khi thiếu khả năng (Đại Học Văn Khoa Sài Gòn mời quá nhiều học giả vào giảng dạy, nhiều vị không có một ngày học đại học, chỉ viết vài cuốn sách về một ngành nào đó mà thôi). Tiến Sĩ Sử Học Vũ Ngự Chiêu (tốt nghiệp tại Mỹ) bảo rằng: “Muốn viết sử Việt Nam phải có bằng Tiến Sĩ Sử Học”. Tiến Sĩ Sử Học Trần Anh Tuấn thêm rằng: “Muốn viết sử Việt Nam, phải ít nhất có cử nhân và tiếng Việt trôi chảy như một học sinh đỗ Tú Tài II của Việt Nam”. Ấy thế mà đậu xong cử nhân hay đỗ cao học ở trong nước (local university) – có cơ hội ra nước ngoài - mắt trước mắt sau - du sinh Việt Nam bắt kịp được văn minh tiến bộ của nhân loại, nhất là các bạn theo học STEM để có bằng Cao Học hay Tiến Sĩ – không Summa thì cũng Magna. Con cháu Văn Lang sao mà thông minh thế!

Yêu quá Việt nam ơi!  
Cho Lạc Long ngạo nghễ,  
Cho Âu Cơ mỉm cười,  
Cùng năm châu bốn bể...

Bên dòng sông Charles, cuối thu năm 2013

GS Phạm Đức Liên

Former Professor, Central Piedmont Community College, N.C.

### Chú thích:

(1): Theo Tiến Sĩ Vương Gia Lê, EdD (người lăn lộn với Giáo Dục Việt Nam, Canada và Mỹ gần nửa thế kỷ và dạy từ trung đến đại học) thì học trò Canada có căn bản vững chắc đặc biệt về

toán, khoa học và kỹ thuật (STEM) ở trung học và đại học cấp I (undergraduate schools) vì họ có giáo sư rất giỏi. Thế nhưng ở hậu đại học (grad schools) như cao học, tiến sĩ, thạc sĩ ... thì những giáo sư danh tiếng thường qua Mỹ (ở đó có nhiều tiền cho công cuộc nghiên cứu và những phòng thí nghiệm tiên tiến). Điển hình là mỗi năm Canada mất cả trăm bác sĩ (MD) vì họ đi Mỹ hành nghề hoặc học lên cao nữa. Đào tạo một bác sĩ gia đình (Family Medicine) tại Mỹ là 11 năm đại học (4+4+3) và tốn trên 2 triệu đô la. Số bác sĩ Mỹ qua Canada hành nghề rất ít (năm 2011 chỉ có 2 người). Học 4 năm đầu đại học (BA/BS), sinh viên Mỹ qua Canada học rất nhiều cho dù phải trả học phí cao của international students (vẫn còn rẻ hơn ở Mỹ), mà lại được giáo dục với phẩm chất cao (high quality). Cũng theo GS Vương Gia Lê, đại học VNCH dù phòng thí nghiệm thiếu thốn (ngay cả Thủ Đức Poly, thành lập năm 1974 rập khuôn theo Cal Tech), dù giáo sư chỉ có khả năng hạn chế, nhưng sinh viên Việt Nam thông minh và có truyền thống chăm chỉ, kỹ luật đã vượt qua bao cơn bão táp của tình thế, với hồn thiêng sông núi và khí thiêng dân tộc phù hộ, đã huấn luyện được những sinh viên xuất sắc (như các Tiến Sĩ Vật Lý Cao Xuân An, Nguyễn Trần Trác ...) cho Việt Nam minh châu trời đông.

(2): Đại học Văn Khoa được thành lập ở Hà Nội năm 1950. Năm 1954, di chuyển vào Sài Gòn. Sau 25 năm (1950-1975) thành lập, tới đầu năm 1975 mới cho ra lò được một vị tiến sĩ (Tiến Sĩ Địa Lý Lưu Kim Sanh) rồi tan hàng rã ngũ. Quý vị sĩ quan: ra trường năm 1948, 49, 50 là thiếu úy thì ngày 2/11/1963 đã là thiếu tướng, trung tướng... và trở thành lãnh đạo đất nước (như Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thiệu). Lúc miền Nam tan vỡ thì Đại Học Văn Khoa Sài Gòn có khoảng 15 vị Giáo Sư Tiến Sĩ (đa số tuyệt đối tốt nghiệp từ các đại học ở Châu Âu như Thụy Sĩ, Bỉ ... dĩ nhiên là những ngành nhân văn, văn chương ...). Đại học VNCH hình như là ngăn chặn – hơn cả đại học nước ta thời Pháp cai trị?! Với biết bao áp lực, nhà trường (Văn Khoa) cũng chỉ trình cho cả nước được 30, 40 vị cao học (DES = Master) mà cao học chỉ là tập tễnh con đường khảo cứu lâu dài!. Giáo sư tiến sĩ (Professeur Docteur) áo thụng vái nhau, bảo vệ ghế của mình, hình như không muốn cho sinh viên học ra tiến sĩ!. Ngày nay (2013) thì tại Việt Nam lục địa, tiến sĩ chạy đầy đường (nếu tính từ giám đốc = director) trở lên thì Việt Nam lục địa nhiều ở cả Nhật Bản về số ông Nghè!)

Có con thì mặc có con,  
Thất lung cho giòn, mà lấy chồng quan!  
(ca dao)

Tôi yêu nước Việt lạ thường,  
Ca dao tục ngữ vẫn vương tâm hồn.

Việt Nam Vạn Tuế, Vạn Vạn Tuế !

\*\*\*\*\*